

Điện Biên Phủ, ngày 15 tháng 10 năm 2018

Số 271 / TTr-TCTLN

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18 phường Him Lam (điểm tái định cư số 3 phường Him Lam) đợt 7

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m; cụ thể như sau:

I. Căn cứ

- a) Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- b) Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- c) Căn cứ Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- d) Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- e) Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định hạn mức giao đất, công nhận QSD đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa và hạn mức đất xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về

việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành chính sách đặc thù các hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m thành phố Điện Biên Phủ; Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành bổ sung một số chính sách đặc thù khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện Dự án đầu tư bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu tái định cư Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vành đai II: Nối tiếp khu tái định cư Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu tái định cư Pú Tầu thị trấn huyện Điện Biên và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung, khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m, thành phố Điện Biên Phủ.

f) Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khung dọc trục 60m và khu tái định cư khu 1, khu 2 và khu 3 phường Him Lam, khu tái định cư bản Phiêng Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Biên bản làm việc liên ngành thống nhất giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đường 60m và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn phường Him Lam và phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ ngày 07/3/2017.

g) Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

h) Căn cứ Văn bản số 40/HĐND-KTNS ngày 16/3/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m; Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m; Văn bản số 2620/UBND-TH ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh về việc xử lý một số tồn tại vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

i) Căn cứ Tờ trình số 335/TTr-TCTLN ngày 10/11/2017 và Tờ trình số 30/TTr-TCTLN ngày 06/02/2018 của Tổ công tác liên ngành đề nghị phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18 phường Him Lam (điểm tái định cư số 3).

k) Căn cứ Biên bản thống nhất nội dung lập tính, toán phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật

khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18 phường Him Lam (điểm tái định cư số 3) đợt 7, ngày 11.11.2018, tháng 10 năm 2018,

II. Nội dung trình

1. Tên phương án: Điều chỉnh, bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m trên địa bàn tổ dân phố 18 phường Him Lam (điểm tái định cư số 3) đợt 7.

2. Địa điểm thực hiện: phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

3. Thời gian thực hiện: từ tháng 12 năm 2016 đến khi hoàn thành.

4. Nội dung và quy mô: bồi thường thiệt hại về đất, cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại, ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất.

5. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ do chủ dự án phải chi trả là 230.450.080,0 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn không trăm tám mươi đồng.*)

Trong đó:

- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đất:	214.957.515,0	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về tài sản vật kiến trúc:	0,0	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng:	10.719.000,0	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung hỗ trợ:	-187.200,0	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung tổ chức thực hiện:	4.509.786,0	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung dự phòng cường chế:	450.979,0	đồng

(*Có biểu chi tiết kèm theo*)

6. Nguồn vốn chi trả phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư

Kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được sử dụng từ nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.

7. Phương án tái định cư:

Tổ công tác liên ngành thẩm định 03 (ba) suất giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá đất.

- 02 (hai) hộ (gồm 02 suất) là hộ gia đình thu hồi đất ở, không có nhà ở trên thửa đất thu hồi, không phải di chuyển chỗ ở, có chung khẩu với bố mẹ Nguyễn Xuân Diện. Nếu hộ gia đình không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường nơi có đất bị thu hồi, nếu hộ gia đình có nguyện vọng về đất ở thì được xem xét giao 01 (một) suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại Khoản 4, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- 01 (một) hộ (gồm 01 suất) là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông

ng nghiệp, trường hợp bị thu hồi hết đất sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định trên thửa đất bị thu hồi và chấp hành đầy đủ, không vi phạm các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thì được hỗ trợ bằng việc giao thêm 01 (một) suất đất ở theo quy hoạch có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá để sử dụng đất vào mục đích thương mại, ổn định đời sống, bị hạn chế quyền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 1, Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.

8. Tổ chức thực hiện

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Phối hợp với các đơn vị có liên quan, căn cứ phương án, dự toán kinh phí được phê duyệt, chứng từ liên quan thực hiện chi trả, quyết toán kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư; cụ thể như sau:

- Chi trả cho các đối tượng trong phương án các khoản tiền: bồi thường, hỗ trợ về đất, cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ

- Thanh toán các khoản chi phí tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015; Quyết định số 164/QĐ-STNMT ngày 04/11/2016; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 và các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án;

- Tập hợp các chứng từ chi phí thực tế có liên quan lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan Tài chính phê duyệt quyết toán theo quy định hiện hành;

- Chuyển tiền chi phí tổ chức thực hiện cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo tiến độ thực hiện;

b) Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư, thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí tái định cư và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Thu Giấy chứng nhận đã cấp (nếu có) cho người sử dụng đất bị thu hồi chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng;

c) Ủy ban nhân dân phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm:

- Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

- Tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo sở;
- Phòng TNMT TP ĐBP;
- Chi cục QLĐĐ;
- Trung tâm PTQĐ;
- Lưu: VT, TCT.

**KT. TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÓ**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Ngôn Ngọc Khuê**

BIỂU 1: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CỬ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Dọc TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA BÀN TÒ 18 PHƯỜNG HIM LAM (ĐIỂM TÁI ĐỊNH CỬ SỐ 3)

(Kèm theo Tờ trình số: 27A./TTr-TCTLN ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

STT	HỌ VÀ TÊN	DIỆN TÍCH THÂM ĐỊNH (m2)	KINH PHÍ, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT	KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN VẬT KIẾN TRÚC	KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI	KINH PHÍ HỖ TRỢ			TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
						TỔNG CỘNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ	KINH PHÍ HỖ TRỢ XD NHÀ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Nguyễn Thị Thu Loan - Nguyễn Công Minh	250,0	-224.324.625,0			-1.057.200,0	-1.057.200		-225.381.825,0
13	Trương Quang Hưng (Ủy quyền cho bà Khương Thị Thanh Hương)	1.340,1	439.016.760,0			0,0			439.016.760
14	Phạm Thị Kim Liên	435,0	-1.096.550.160,0			-1.130.000,0	-1.130.000		-1.097.680.160
15	Nguyễn Xuân Diệm	2.579,8	836.815.540,0			2.000.000,0	2.000.000		838.815.540,0
15.2	Nguyễn Tiến Duy - Nguyễn Thị Hương	100,0	130.000.000,0			0,0			130.000.000
30	Nguyễn Thị Hiền				10.719.000,0	0,0			10.719.000
35	Nguyễn Văn Phương	100,0	130.000.000,0			0,0			130.000.000
	Tổng cộng	4.804,9	214.957.515,0	-	10.719.000,0	-187.200,0	-187.200,0	-	225.489.315

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất: 214.957.515
 Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về tài sản vật kiến trúc: 0
 Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về cây trồng vật nuôi: 10.719.000
 Kinh phí hỗ trợ: -187.200
 Kinh phí tổ chức thực hiện: 4.509.786
 Kinh phí dự phòng tổ chức cưỡng chế: 450.979
230.450.080,0

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn không trăm tám mươi đồng.

BIỂU 2: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Dọc TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA TỐ 18 PHƯỜNG HIM LAM (ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3)

(Kèm theo Tờ trình số: 271 /TTr-TCTLN ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

Đơn vị tính: Đồng

Tờ trình số 335/TTr-TCTLN ngày 10/11/2017 của Tổ công tác liên ngành							Kết quả thẩm định phương án điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác liên ngành								Ghi chú
STT trong PA phê duyệt	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Sr	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Chênh lệch	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔ 18 - P. HIM LAM							TỔ 18 - P. HIM LAM							
22	Lường Thị Hoa			1.009,2		-	22	Lường Thị Hoa						-	
	Số khẩu			3		-								-	
d	Tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá						d	Tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá							
								Là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, trường hợp bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định trên thửa đất bị thu hồi và chấp hành đầy đủ, không vi phạm các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án thì được hỗ trợ bằng việc giao thêm 01 (một) suất đất ở theo quy hoạch có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá để sử dụng đất vào mục đích thương mại, ổn định đời sống, bị hạn chế quyền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 1, Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.							
14	Phạm Thị Kim Liên			2914,20		1.288.950.660	14	Phạm Thị Kim Liên			435,0		192.400.500	-1.096.550.160	
a	Bồi thường về đất.			2914,20		1.288.950.660	a	Bồi thường về đất.			435,00		192.400.500	-1.096.550.160	
	- Bồi thường đất trồng cây hàng năm (Điểm TĐC số 3)	4	89	2852,4	58.000	165.439.200		- Bồi thường đất trồng cây hàng năm (Điểm TĐC số 3)	4	89	435,0	58.000	25.230.000	-140.209.200	Chuyển diện tích 2479,2 sang nhà ởng Điện
	- Bồi thường đất trồng cây hàng năm (hạ tầng khung)	4	89	61,8	58.000	3.584.400		- Bồi thường đất trồng cây hàng năm (hạ tầng khung)					-	-3.584.400	

STT trong PA phê duyệt	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Stt	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (Điểm TĐC số 3): Hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của các thửa đất liền kề; giá đất ở trung bình được xác định theo Biên bản làm việc Liên ngành ngày 07/3/2017.			2914,2	384.300	1.119.927.060		Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (Điểm TĐC số 3): Hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của các thửa đất liền kề; giá đất ở trung bình được xác định theo Biên bản làm việc Liên ngành ngày 07/3/2017.			435,0	384.300	167.170.500	-952.756.560	
d	Tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá						d	Tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá							
	Hộ gia đình thu hồi nhiều đất (diện tích 2914,2 m ²), trường hợp hộ gia đình chấp hành đầy đủ, không vi phạm các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án. Thi đủ điều kiện được giao thêm 01 lô đất ở theo quy hoạch có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại Ý 1, Khoản 3, Phần II Văn bản số 2620/UBND-TH ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.							Hộ gia đình thu hồi diện tích 435,0 m ² . Không đủ điều kiện giao thêm 01 lô đất ở theo quy hoạch có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại Ý 1, Khoản 3, Phần II Văn bản số 2620/UBND-TH ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.							
15	Nguyễn Xuân Diện			300,0		390.000.000	15	Nguyễn Xuân Diện			2.579,8		1.226.815.540	836.815.540	0
a	Bồi thường về đất.			300,0		390.000.000	a	Bồi thường về đất.			2.579,8		1.226.815.540	836.815.540	
	Bồi thường đất có nhà ở sử dụng từ trước ngày 15/10/1993: Vị trí I. Đường Tô Vĩnh Diện, đoạn từ ngã ba rẽ vào Trung tâm Chính trị đến trụ sở phường Noong Bua	5	89	300,0	1.300.000	390.000.000		Bồi thường đất có nhà ở sử dụng từ trước ngày 15/10/1993: Vị trí I. Đường Tô Vĩnh Diện, đoạn từ ngã ba rẽ vào Trung tâm Chính trị đến trụ sở phường Noong Bua	5	89	100,0	1.300.000	130.000.000	-260.000.000	Cho Nguyễn Văn Phương 100m ² đất ở; Nguyễn Tiến Duy 100m ² đất ở trong hạn mức công nhận
								- Bồi thường đất trồng cây hàng năm (Điểm TĐC số 3)	18,19,20,21,22,25,26,27,28,29,30,36	89	1.174,0	58.000	68.092.000	68.092.000	

STT trong PA phê duyệt	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Stt	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
								- Bồi thường đất nuôi trồng thủy sản (Điểm TĐC số 3)	17,23,24,31,32,33,34,35	89	1.244,0	58.000	72.152.000	72.152.000	
								- Bồi thường đất nuôi trồng thủy sản (Điểm TĐC số 3)	33	89	61,8	58.000	3.584.400	3.584.400	
								Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 2 phần II văn bản 2620/UBND-TH ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh			1.174,0	116.000	136.184.000	136.184.000	
								Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: Hỗ trợ thêm hàng niên, giá trị hỗ trợ thêm được xác định giá trị bằng tiền của 30% giá đất ở trung bình của các thửa đất liền kề trừ giá trị bằng tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: cụ thể mức hỗ trợ = 384.300 đ/m2 - 116.000 đ/m2 = 180.300 đ/m2.			1.174,0	268.300	314.984.200	314.984.200	
								Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 2 phần II văn bản 2620/UBND-TH ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh			1.305,8	145.000	189.341.000	189.341.000	
								Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: Hỗ trợ thêm bằng tiền, giá trị hỗ trợ thêm được xác định giá trị bằng tiền của 30% giá đất ở trung bình của các thửa đất liền kề trừ giá trị bằng tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: cụ thể mức hỗ trợ = 384.300 đ/m2 - 145.000 đ/m2 = 239.300 đ/m2.			1.305,8	239.300	312.477.940	312.477.940	
								Phương án Bổ sung mới							0
							35	Nguyễn Văn Phương			100,0		130.000.000	130.000.000	

STT trong PA phê duyệt	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Sst	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Chênh lệch	Chi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
						-	n	Bồi thường về đất.			100,0		130.000.000	130.000.000		
								Bồi thường đất ở (trong hạn mức đất ở của bố Nguyễn Xuân Diện)	38	89	100,0	1.300.000	130.000.000	130.000.000	Trừ 100m2 đất ở vào hạn mức công nhận đất ở của ông Nguyễn Xuân Diện	
							d	Tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá						0		
								Hộ gia đình thu hồi đất ở, không có nhà ở trên thửa đất thu hồi, không phải di chuyển chỗ ở, có chung khẩu với bố mẹ Nguyễn Xuân Diện. Nếu hộ gia đình không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường nơi có đất bị thu hồi, hộ gia đình có nguyện vọng về đất ở thì được xem xét giao 01 (một) suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại Khoản 4, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ.							0	
15.2						-	15.2	Nguyễn Tiến Duy - Nguyễn Thị Hương			100,0		130.000.000	130.000.000		
						-	a	Bồi thường về đất.			100,0		130.000.000	130.000.000		
								Bồi thường đất ở (trong hạn mức đất ở của bố Nguyễn Xuân Diện)	37	89	100,0	1.300.000	130.000.000	130.000.000	Trừ 100m2 đất ở vào hạn mức công nhận đất ở của ông Nguyễn Xuân Diện	
							d	Tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá						0		

Tờ trình số 335/TT-Tr-TCTLN ngày 10/11/2017 của Tổ công tác liên ngành							Kết quả thẩm định phương án điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác liên ngành							Ghi chú	
STT trong PA phê duyệt	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BD	Khối lượng (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Sst	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BD	Khối lượng (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)		Chênh lệch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
								Hộ gia đình thu hồi đất ở, không có nhà ở trên thửa đất thu hồi, không phải di chuyển chỗ ở, có chung khẩu với bố mẹ Nguyễn Xuân Diện. Nếu hộ gia đình không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn phường nơi có đất bị thu hồi, nếu hộ gia đình có nguyện vọng về đất ở thì được xem xét giao 01 (một) suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá theo quy định tại Khoản 4, Điều 6, Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ.							0
12	Nguyễn Thị Thu Loan - Nguyễn Đức Minh			0,0		330.418.375	12	Nguyễn Thị Thu Loan - Nguyễn Công Minh			250,0		106.093.750	-224.324.625	0
														0	
														0	
a	Bồi thường, hỗ trợ về đất			778,6		330.418.375	a	Bồi thường, hỗ trợ về đất			250,0		106.093.750	-224.324.625	
	- Bồi thường đất trồng cây hằng năm (Điểm TĐC số 3)	93	1	691,6	58.000	40.112.800		- Bồi thường đất trồng cây hằng năm (Điểm TĐC số 3)	96	1	250,0	58.000	14.500.000	-25.612.800	
	- Bồi thường đất trồng cây hằng năm (hạ tầng khung)	93	1	87,0	58.000	5.046.000		- Bồi thường đất trồng cây hằng năm (hạ tầng khung)						-5.046.000	
	Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (Điểm TĐC số 3): Hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của các thửa đất liền kề; giá đất ở trung bình được xác định theo Biên bản làm việc Liên ngành ngày 07/3/2017.			691,6	366.375	253.384.950		Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (Dự án Hạ tầng khung): Hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của các thửa đất liền kề; giá đất ở trung bình được xác định theo Biên bản làm việc Liên ngành ngày 07/3/2017.	96	1	250,0	366.375	91.593.750	-161.791.200	

STT trong PA phê duyệt	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Sst	Họ và Tên	Số thửa	Tờ BĐ	Khối lượng (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (Dự án Hạ tầng khung): Hỗ trợ bằng 30% giá đất ở trung bình của các thửa đất liền kề; giá đất ở trung bình được xác định theo Biên bản làm việc Liên ngành ngày 07/3/2017.			87,0	366.375	31.874.625								-31.874.625	
														0	
														0	
13							13	Trương Quang Hưng (Ủy quyền cho bà Khương Thị Thanh Hương)			1.340,1		439.016.760	439.016.760	0
							a	Bồi thường, hỗ trợ về đất			1.340,1		439.016.760	439.016.760	
								- Bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Điểm TĐC số 3). Đơn giá = (70% x 1.300.000 đồng)*1% x 36 năm x 36 năm x 1340,1 m2)	36	19	1.217,4	327.600	398.820.240	398.820.240	
								- Bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Điểm TĐC số 3). Đơn giá = (70% x 1.300.000 đồng)*1% x 36 năm x 36 năm x 1340,1 m2)	36	19	122,7	327.600	40.196.520	40.196.520	
	Tổng cộng					2.009.369.035		Tổng cộng			4.804,9	-	2.224.326.550	214.957.515	

BIỂU 3: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỘC TRỰC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA TỎ 18 PHƯỜNG HIM LAM (ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3)

(Kèm theo Tờ trình số: 271./TTr-TCTLN ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

Tờ trình số 30/TTr-TCTLN ngày 6/02/2018 của Tổ công tác liên ngành										Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung										Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
S TT	NỘI DUNG	BÁN KÍNH TÁN LÁ	Đ V T	S.K LƯ ỌN G	Đ V T	ĐVT	S.K LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	THÀNH TIỀN (đồng)	S TT	NỘI DUNG	BÁN KÍNH TÁN LÁ	Đ V T	S.K LƯ ỌN G	Đ V T	ĐVT	S.K LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	THÀNH TIỀN (đồng)		
30	Nguyễn Thị Hiền								5.962.150	30	Nguyễn Thị Hiền								16.681.150	10.719.000	
-	Chuối có buồng < 15kg					buồng	3,0	96.000	288.000	-	Chuối có buồng < 15kg					buồng	3,0	96.000	288.000	0	
-	Chuối chưa có buồng cao trên 1m					cây	40,0	60.000	2.400.000	-	Chuối chưa có buồng cao trên 1m					cây	40,0	60.000	2.400.000	0	
-	Chuối nhỏ thấp hơn 1m					cây	60,0	12.000	720.000	-	Chuối nhỏ thấp hơn 1m					cây	60,0	12.000	720.000	0	
-	Mía sấp thu hoạch					cây	3,0	7.200	21.600	-	Mía sấp thu hoạch					cây	3,0	7.200	21.600	0	
-	Vườn sán 4*7					m ²	28,0	3.600	100.800	-	Vườn sán 4*7					m ²	28,0	3.600	100.800	0	
-	Mít bán kính tán lá	2,5	m	1,0	cây	kg	98,1	14.000	1.373.750	-	Mít bán kính tán lá	2,5	m	1,0	cây	kg	98,1	14.000	1.373.750	0	
-	Mít trồng năm thứ 4					cây	2,0	162.000	324.000	-	Mít trồng năm thứ 4					cây	2,0	162.000	324.000	0	
-	Cây lấy gỗ thường đường kính thân < 10cm					cây	10,0	41.000	410.000	-	Cây lấy gỗ thường đường kính thân < 10cm					cây	10,0	41.000	410.000	0	
-	Ôi trồng năm thứ 4					cây	2,0	162.000	324.000	-	Ôi trồng năm thứ 4					cây	2,0	162.000	324.000	0	
											Cây cảnh trồng đất loại trung bình					cây	69,0	54.000	3.726.000	3.726.000	Tổ CT bổ sung trên cơ sở biên bản kiểm tra, phúc tra ngày 6/6/2018 của TTPTQĐ
											Cây cảnh trồng đất loại to					cây	88,0	67.500	5.940.000	5.940.000	
											Mít trồng năm thứ 2					cây	13,0	81.000	1.053.000	1.053.000	
	Tổng cộng								5.962.150		Tổng cộng							16.681.150	10.719.000		

BIỂU 3a: CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG, KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DỌC TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA TỎ 18 PHƯỜNG HIM LAM (ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3)

(Kèm theo Tờ trình số: 271.../TTr-TCTLN ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

Tờ trình số 335/TTr-TCTLN ngày 10/11/2017 của Tổ công tác liên ngành						Kết quả thẩm định của Tổ công tác liên ngành						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
STT	Họ và Tên	ĐVT	Khối lượng (m2)	Đơn giá	Thành tiền	STT	Họ và Tên	ĐVT	Khối lượng (m2)	Đơn giá	Thành tiền		
12	Nguyễn Thị Thu Loan - Nguyễn Đức Minh				1.557.200	12	Nguyễn Thị Thu Loan - Nguyễn Công Minh				500.000	-1.057.200	Điều chỉnh giảm hỗ trợ do điều chỉnh về đất
d	Chính sách hỗ trợ				1.557.200	d	Chính sách hỗ trợ				500.000	-1.057.200	
	- Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ	m2	778,6	2.000	1.557.200		- Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ đối với đất nông nghiệp	m2	250,0	2.000	500.000	-1.057.200	
14	Phạm Thị Kim Liên				2.000.000	14	Phạm Thị Kim Liên				870.000	-1.130.000	
d	Chính sách hỗ trợ				2.000.000	d	Chính sách hỗ trợ				870.000	-1.130.000	
	- Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ	m2	2.914,2	2.000	2.000.000		- Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ	m2	435,0	2.000	870.000	-1.130.000	
15	Nguyễn Xuân Diện					15	Nguyễn Xuân Diện				2.000.000	2.000.000	
d	Chính sách hỗ trợ					d	Chính sách hỗ trợ				2.000.000	2.000.000	
							- Hỗ trợ khuyến khích di chuyển theo tiến độ	m2	2.479,8	2.000	2.000.000	2.000.000	
	Tổng cộng				3.557.200		Tổng cộng				3.370.000	-187.200	

BIỂU 4: DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, KHU TRỤ SỞ CƠ QUAN, KHU CÔNG CỘNG, KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Dọc TRỤC ĐƯỜNG 60M TRÊN ĐỊA BÀN TÒ 18 PHƯỜNG HIM LAM (ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ SỐ 3)

(Kèm theo Tờ trình số: 27.1.../TTr-TCTLN ngày 15.tháng 10.. năm 2018 của Tổ công tác liên ngành)

STT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
A	Tổng kinh phí tổ chức thực hiện	4.509.786
I	Kinh phí phê duyệt phương án (2%)	90.196
II	Kinh phí cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, GPMB (70%)	4.509.786
1	Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất;	
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm: phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; đo đạc xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác;	
3	Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chi tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;	
4	Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;	
5	Chi thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định (nếu có);	
6	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;	
	i) Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);	
7	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	
III	Kinh phí cho Tổ công tác của tỉnh (23%)	1.037.251
1	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;	
2	Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;	
3	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;	
4	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (thẩm định, giải quyết các vướng mắc phát sinh....)	
IV	Kinh phí chuyên về sở Tài chính để trả cho Hội đồng thẩm định giá đất (5%)	225.489
B	Dự phòng cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất (10%)	450.979
C	TỔNG CỘNG	4.960.765